

PHỤ LỤC 01
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
 (Kèm theo Tờ trình số: **177** /Tr-UBND ngày **12** tháng **12** năm 2023 của UBND huyện Nam Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
	TỔNG	742.843	119.100	469.094	154.649	214.168	109.500	83.815	29.853	100.438	34.100	16.000	50.338	
A	NGÂN SÁCH HUYỆN	379.659	-	288.000	91.659	28.790	-	-	28.790	26.830	-	3.000	23.830	
I	Nguồn XDCB tập trung ngân sách tỉnh hỗ trợ									5.754	-	-	5.754	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	12.000			12.000	2.330			2.330	2.000			2.000	
2	Trường PTDT Nội trú THCS Nam Giang (mới)	67.460			67.460					3.754			3.754	
II	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	59.659	-	-	59.659	28.790	-	-	28.790	18.076	-	-	18.076	
a	Thanh toán khối lượng hoàn thành	16.660	0	0	16.660	15.925	0	0	15.925	366	0	0	366	
1	Sân nền chợ Thanh Mỹ + Khu TĐC khu phố chợ Thanh Mỹ	2.031			2.031	1.759			1.759	50			50	
2	Sân nền TĐC khu A và khu B (đường vào SVD);HM: sân nền và ct phụ trợ	1.269			1.269	1.257			1.257	12			12	
3	Hệ thống nước sinh hoạt liên thôn Pà Ia - Pà Xua - Pà Rông xã Tà Bhing (Giai đoạn 2)	2.063			2.063	2.007			2.007	56			56	
4	Trường PTDTBT tiểu học liên xã Đắc Pring - Đắc Pre	1.736			1.736	1.703			1.703	32			32	
5	Trường tiểu học Chà Vâl, điểm trường chính; HM: Nhà đa năng + 05 phòng hiệu bộ + Nhà ăn, bếp giáo viên	4.287			4.287	4.273			4.273	14			14	
6	Đường bê tông nông thôn, thôn Pa Lan, xã La Êê (gd2);HM: nền, mặt đường và cống thoát nước	1.211			1.211	1.130			1.130	50			50	
7	Đường bê tông giao thông nông thôn, thôn A Xòo, xã Chơ Chun (gd1);HM: nền, mặt đường	1.475			1.475	1.393			1.393	50			50	
8	Khu thể thao xã Cà Dy	1.085			1.085	990			990	52			52	
9	Trường MG xã Cà Dy	1.503			1.503	1.414			1.414	50			50	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
b	Dự kiến đối ứng 03 Chương trình MTQG									9.000			9.000	
c	Dự kiến đối ứng trụ sở CA xã theo Nghị quyết 36/HĐND tỉnh									3.500			3.500	
d	Dự kiến đối ứng Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND tỉnh									210			210	
d	Dự án chuyển tiếp	42.998	0	0	42.998	12.865	0	0	12.865	5.000	0	0	5.000	
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp huyện Nam Giang	2.000			2.000	500			500	100			100	
2	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ (quy mô 4 Ha; Đường vào 1 Km; Đường nội bộ 0,5 Km)	29.000			29.000	3.865			3.865	500			500	
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	lồng ghép			lồng ghép	lồng ghép			lồng ghép	1.000			1.000	
4	Trụ sở làm việc UBND thị trấn Thạnh Mỹ (vị trí mới)	6.186			6.186	4.400			4.400	200			200	
5	Trụ sở làm việc Trung tâm văn hóa thể thao và Truyền thanh truyền hình huyện Nam Giang (vị trí mới)	5.812			5.812	4.100			4.100	200			200	
6	Trường PTDT Nội trú THCS Nam Giang (mới)	lồng ghép			lồng ghép	lồng ghép			lồng ghép	3.000			3.000	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện	320.000	0	288.000	32.000	0	0	0	0	3.000	0	3.000	0	
1	Dự kiến đối ứng Chương trình KCH ĐH và GTNT									2.000		2.000		
2	Đối ứng Các tuyến đường nội thị khu trung tâm hành chính huyện Nam Giang	320.000		288.000	32.000					1.000		1.000		
B	NGÂN SÁCH TỈNH	241.963	0	181.094	60.869	75.385	0	83.815	570	39.508	0	13.000	26.508	
I	Đối ứng Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	14.834	0	13.425	1.409	5.995	0	5.425	570	14.353	0	5.000	9.353	
a	Công trình hoàn thành	1.449	0	1.304	145	565	0	425	140	879	0	879	0	
1	Khu thể thao thôn Công Tờ Rơn, xã La Dê	650	0	585	65	251	0	191	60	394		394		

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
2	Khu thể thao thôn Đắc Chờ Đây, xã La Dêê	273	0	246	27	110	0	80	30	166		166		
3	Khu thể thao thôn Đắc Pênh, xã La Dêê	526	0	473	53	204	0	154	50	319		319		
b	Công trình chuyển tiếp	9.250	0	8.400	850	5.430	0	5.000	430	3.400	0	3.400	0	
1	Cầu bê tông cốt thép thôn Ga Lêê, xã Tà Bhing	3.000	0	2.700	300	1.100	0	1.000	100	1.700		1.700		
2	Kênh mương thủy lợi thôn Ga Lêê, xã Tà Bhing	1.500	0	1.425	75	1.080	0	1.050	30	375		375		
3	Trường mẫu giáo liên xã Tà Bhing - Tà Pơơ; HM: Sân nền, tiểu cảnh, khu vui chơi học sinh	1.100	0	990	110	650	0	600	50	390		390		
4	Cầu Đắc Chôn qua Măng Pa Liêu	3.000	0	2.700	300	2.100	0	1.900	200	800		800		
5	Khu thể thao thôn Đắc Rế, xã La Dêê	650	0	585	65	500	0	450	50	135		135		
c	Công trình khởi công mới	4.135	0	3.721	414	0	0	0	0	10.074	0	721	9.353	
1	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Tà Đắc xã Tà Bhing	1.539	0	1.385	154	0	0	0	0	1.385		385	1.000	
2	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Đắc Ốc, xã La Dêê	1.396	0	1.256	140	0	0	0	0	1.256		256	1.000	
3	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Công Tờ Rơn, xã La Dêê	1.200	0	1.080	120	0	0	0	0	1.080		80	1.000	
4	Nhà văn hóa thôn Đắc Ro									1.000			1.000	
5	Nhà văn hóa thôn Đắc Rích									1.500			1.500	
6	Nhà văn hóa thôn Xóm 10									1.500			1.500	
7	Nghĩa trang nhân dân xã Đắc Tôi									2.353			2.353	
II	Chương trình phát triển KT-XH các xã biên giới (NQ16/TU)	107.129	0	59.669	47.460	41.890	0	41.890	0	12.000	0	0	12.000	
a	Công trình hoàn thành	28.061	0	28.061	0	24.948	0	24.948	0	1.400	0	0	1.400	
1	Đường vào vùng sản xuất thôn Đắc Tà Vâng	4.588		4.588		4.501		4.501		50			50	
2	Trụ sở UBND xã Đắc Pre; HM: Nhà công vụ, nhà ăn, sửa chữa trụ sở cũ, sân nền, tường rào	3.831		3.831		3.700		3.700		0				
3	Nghĩa trang nhân dân xã Chơ Chun	2.222		2.222		1.601		1.601		200			200	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
4	Nghĩa trang nhân dân xã La Dêê	2.400		2.400		2.354		2.354		0				
5	Nghĩa trang nhân dân xã Đắc Pring	1.823		1.823		1.700		1.700		50			50	
6	Trường PTDTBT tiểu học liên xã La ÊÊ - Chợ Chun (điểm trường chính); Hạng mục: San nền, nhà đa năng và khối hiệu bộ	6.092		6.092		5.300		5.300		400			400	
7	Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pring - Đắc Pre: Hạng mục: 08 phòng nội trú học sinh	2.177		2.177		1.940		1.940		400			400	
8	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Chợ Chun	1.060		1.060		1.000		1.000		50			50	
9	Trụ sở UBND xã La Dêê; HM: Sửa chữa, nâng cấp trụ sở	1.880		1.880		1.552		1.552		200			200	
10	Nghĩa trang nhân dân xã Đắc Pre	1.988		1.988		1.300		1.300		50			50	
b	Công trình chuyển tiếp	79.069	0	31.609	47.460	16.941	0	16.941	0	10.600	0	0	10.600	
11	Trụ sở Công an xã chợ chun	3.778		3.778	0	2.000		2.000		1.000			1.000	
12	Khu tái định cư Đắc Brás, thôn Đắc Ốc, La Dêê	14.489		6.668	7.821	4.941		4.941		4.600			4.600	
13	Đường và cầu thôn Pà oai, xã La Êê	14.520		2.500	12.020	2.000		2.000		300			300	
14	Đường giao thông liên xã La Êê - Chợ Chun	11.000		2.500	8.500	2.000		2.000		500			500	
15	Đường giao thông liên thôn 48 - Pê Ta Pốt, xã Đắc Pring	12.700		5.600	7.100	2.000		2.000		1.500			1.500	
16	Đường vào trung tâm hành chính xã Đắc Pre	10.500		4.421	6.079	2.000		2.000		1.500			1.500	
17	Đường giao thông liên thôn Đắc Ro - Đắc Tà Vàng	12.082		6.142	5.940	2.000		2.000		1.200			1.200	
III	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư miền núi							9.000		9.000		4.000	5.000	
IV	NS tỉnh phân bổ thực hiện danh mục dự án theo ngành, lĩnh vực	120.000	0	108.000	12.000	27.500	0	27.500	0	4.155	0	4.000	155	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
1	Đường giao thông nội bộ kết hợp kè gia cố ta luy suối khe Diềng khu TTHC huyện Nam Giang	120.000		108.000	12.000	27.500		27.500		4.000		4.000		
2	Dự án trồng cây phân tán và trồng rừng tập trung Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nam Giang									155			155	
C	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	100.000	100.000	-	-	100.000	100.000	-	-	29.500	29.500	-	-	
1	Đầu tư ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư Thủy điện Sông Bung 4	100.000	100.000			100.000	100.000			29.500	29.500			
D	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	21.221	19.100	-	2.121	9.993	9.500	-	493	4.600	4.600	-	-	
D.1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	21.221	19.100	0	2.121	9.993	9.500	0	493	4.600	4.600	0	0	
I	Công trình chuyển tiếp	14.804	13.325	0	1.479	9.993	9.500	0	493	1.900	1.900	0	0	
1	Nâng cấp khu thể thao xã Chà Vài	1.805	1.625		180	850	800	0	50	500	500			
2	Hệ thống nước sinh hoạt thôn 49A, xã Đắc Pring	1.805	1.625		180	850	800	0	50	500	500			
3	Nâng cấp, sửa chữa nâng cấp khu thể thao xã Zuôih	1.805	1.625		180	850	800	0	50	500	500			
4	Nhà văn hóa xã La Dêê	3.167	2.850		317	2.200	2.100	0	100	400	400			
II	Công trình khởi công mới	6.417	5.775	0	642	0	0	0	0	2.700	2.700			
1	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời thôn Tà Đắc	1.111	1.000		111	0	0	0	0	800	800			

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng mức đầu tư				KHV đã phân bổ				DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2024				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		Tổng	NSTW	Ngân sách địa phương		
				NS Tỉnh	NS Huyện			NS Tỉnh	NS Huyện			Nguồn thu tiền sử dụng đất	XDCBTT	
2	Nâng cấp khu văn hóa, thể thao xã Đắc Tỏi	222	200		22	0	0	0	0	200	200			
3	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại 02 thôn: Đắc Ro và Đắc Rích	555	500		55	0	0	0	0	200	200			
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Pà Ong, xã Cà Dy	917	825		92	0	0	0	0	300	300			
5	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại thôn Pà Tỏih và thôn Vinh, xã Tà Pơr	917	825		92	0	0	0	0	300	300			
6	Công trình khu thể thao thôn Đắc Ngol, xã La Êê	889	800		89	0	0	0	0	300	300			
7	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn 56b, xã Đắc Pre	889	800		89	0	0	0	0	300	300			
8	Hệ thống nước sinh hoạt thôn A Xòo, xã Chơ Chun	917	825		92	0	0	0	0	300	300			

